

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **74** /2017/DS-ST
Ngày 10-10-2017
v/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Sơn;

2. Ông Lưu Trọng Kim;

Thư ký phiên tòa: Trần Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2017/TLST- DS, ngày 23/6/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐST-DS ngày 5/9/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2017/QĐST-DS, ngày 20/9/2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1953

Trú tại: Khu phố X, thị trấn VX, huyện Đ, Bình Thuận. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Bạch Tấn D**, sinh năm 1956 và bà **Trần Thị P**, sinh năm 1962.

Trú tại: Khu phố Y, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận . Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1955

Trú tại: Khu phố X, thị trấn VX, huyện Đ, Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2017, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Ngày 01/5/2014 vợ chồng ông Bạch Tấn D và bà Trần Thị P vay của ông 500.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Thời hạn vay là 02 năm. Trong khoản thời gian vay vợ chồng ông Bạch Tấn D trả được 3 tháng tiền lãi là 30.000.000 đồng. Do không tiếp tục trả lãi nên ông Nguyễn Ngọc D yêu cầu vợ chồng ông Bạch Tấn D trả gốc và lãi cho ông nhưng không được. Đến ngày 1/7/2016, vợ chồng ông Bạch Tấn D viết giấy chốt nợ gốc và nợ lãi từ ngày 1/8/2014 đến ngày 1/7/2016 là 730.000.000 đồng, gồm: Nợ gốc 500.000.000 đồng và nợ lãi 230.000.000 đồng ($500.000.000đ \times 2\%/tháng \times 23 tháng = 230.000.000đ$). Đồng thời vợ chồng ông Bạch Tấn D cam kết đến hết tháng 8/2016 sẽ trả hết khoản nợ trên, nhưng vợ chồng ông Bạch Tấn D không thực việc trả nợ như cam kết.

Nay ông Nguyễn Ngọc D yêu cầu vợ chồng ông Bạch Tấn D phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc 500.000.000 đồng, còn tiền lãi ông Nguyễn Ngọc D đồng ý miễn toàn bộ cho ông Bạch Tấn D và bà Trần Thị P.

Chứng cứ do ông Nguyễn Ngọc D đưa ra trong quá trình giải quyết vụ án là Giấy hẹn nợ do ông Bạch Tấn D và bà Trần Thị P viết vào ngày 01/7/2016.

Theo bản khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa bị đơn ông Bạch Tấn D trình bày: Vào tháng 2/2014 (âm lịch) vợ chồng ông Bạch Tấn D có vay của ông Nguyễn Ngọc D và bà Lê Thị T số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng. Sau khi vay đã trả lãi đến tháng 7/2015 (âm lịch). Do không có điều kiện nên vợ chồng ông Bạch Tấn D chưa trả gốc và lãi cho ông Nguyễn Ngọc D và bà T. Ngày 1/7/2016 (dương lịch) vợ chồng ông Bạch Tấn D có ghi một giấy hẹn nợ cho ông Nguyễn Ngọc D và bà T với số tiền là 730.000.000, gồm 500.000.000 đồng tiền gốc và 230.000.000 đồng tiền lãi, tính từ tháng 7/2015 đến 1/7/2016. Nay vì hoàn

cảnh khó khăn ông Bạch Tấn D yêu cầu Tòa án xem xét cân trừ số tiền lãi mà ông đã trả vượt mức do pháp luật quy định vào số tiền gốc, đồng thời tính lãi suất theo pháp luật nhằm giảm bớt số nợ lãi mà vợ chồng ông Bạch Tấn D phải trả. Ông Bạch Tấn D đồng ý trả gốc 500.000.000 đồng và xin miễn toàn bộ tiền lãi theo như yêu cầu của nguyên đơn.

Chứng cứ ông Bạch Tấn D cung cấp gồm: bản khai, biên bản hòa giải do Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý giải quyết trong vụ án dân sự thụ lý số 177/2017/TLST-DS ngày 10/10/2016.

Tại bản khai ngày 12/7/2017 và tại phiên tòa bị đơn Trần Thị P trình bày: Ngày 20/12/2011 vợ chồng bà P vay của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, đã trả lãi được 25 tháng 4 ngày là 251.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 4/2/2014 vợ chồng bà P vay tiếp của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D số tiền 250.000.000 đồng. Sau đó bà P có viết giấy vay với số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình vay vợ chồng bà đã trả lãi với số tiền là 350.000.000 đồng. Ngày 1/7/2016 vợ chồng bà P ghi giấy nợ gốc và lãi là 730.000.000 đồng.

Đến lúc này vợ chồng bà P làm ăn thất bại, mất khả năng trả nợ nên xin vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D phần lãi. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H đã giao cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D, đề nghị ông Nguyễn Ngọc D trả lại cho vợ chồng bà P, vì không liên quan đến việc vay tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của chồng bà là ông Nguyễn Ngọc D. Đồng ý miễn toàn bộ lãi cho bị đơn, chỉ yêu cầu trả gốc 500.000.000 đồng.

Những tình tiết trong vụ án mà các bên đã thống nhất: Vợ chồng ông Bạch Tấn D có vay của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 1/7/2016 vợ chồng ông Bạch Tấn D có viết một giấy hẹn nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D với tổng số tiền 730.000.000 đồng, gồm 500.000.000 đồng gốc và tiền lãi tính từ ngày 1/8/2014 đến 1/7/2016.

Những tình tiết trong vụ án các đương sự không thống nhất: Theo vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D thì vay tiền vào ngày 1/5/2014, lãi suất vay là 2%/tháng, vợ chồng ông Bạch Tấn D mới trả lãi được 3 tháng với số tiền 30.000.000 đồng. Còn vợ chồng ông Bạch Tấn D khai rằng lãi suất vay là 4%/tháng. Bà P khai ngày 20/12/2011 vay 250.000.000 đồng, sau một thời gian vay thêm 250.000.000 đồng, đã trả được số tiền lãi tổng cộng là 350.000.000 đồng + 251.000.000 đồng = 601.000.000 đồng. Ông Bạch Tấn D khai thời gian bắt đầu vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D vào tháng 2/2014 (âm lịch), số tiền vay 500.000.000 đồng, đã trả tiền lãi từ tháng 2/2014 đến 7/2015 (âm lịch) khoảng 340.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

Phần Thủ tục: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Luật tổ tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Phần nội dung: Việc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D và bà Lê Thị T cho vợ chồng ông Bạch Tấn D vay số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc bị đơn trả cho ông Nguyễn Ngọc D và bà T số tiền gốc 500.000.000 đồng, về tiền lãi miễn toàn bộ cho bị đơn. Thỏa thuận này phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26 (loại tranh chấp hợp đồng vay tài sản) và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án này là Bộ luật dân sự năm 2005. Vì thời điểm xác lập quan hệ tranh chấp trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn phải trả số tiền vay 500.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì các bên đều thống nhất, đồng thời có chứng cứ là giấy hẹn nợ do bị đơn viết vào ngày 01/7/2016, cũng thể hiện bị đơn có vay của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D số tiền 500.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất cho vay các bên khai không thống nhất. Theo ông Nguyễn Ngọc D và bà T thì lãi suất chỉ thỏa thuận bằng miệng là 2%/tháng, từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông Bạch Tấn D mới chỉ trả trong thời hạn 3 tháng là 30.000.000 đồng. Còn vợ chồng ông Bạch Tấn D và bà Trần Thị P cho rằng lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận là 4% tháng. Theo ông Bạch Tấn D khai ông vay số tiền 500.000.000 vào tháng 2/2014 (âm lịch) và trả lãi đến tháng 7/2015 (âm lịch), như vậy tính số tiền lãi theo ông Bạch Tấn D khai là 340.000.000 đồng. Còn bà P cho rằng thực tế vợ chồng bà vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D là ngày 20/12/2011 với số tiền 250.000.000 đồng và đã trả lãi trong thời gian 25 tháng 4 ngày với số tiền là 251.000.000 đồng. Ngày 4/2/2014 vay tiếp 250.000.000 đồng, nên viết giấy vay là 500.000.000 đồng. Số tiền lãi mà vợ chồng bà P đã trả là 350.000.000 đồng, tổng cộng là 601.000.000 đồng. Như vậy về số tiền lãi đã trả theo lời khai giữa bà P và ông Bạch Tấn D là không thống nhất với nhau. Mặc khác vợ chồng ông Bạch Tấn D cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả lãi của vợ chồng ông đối với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D là bao nhiêu, với thời gian là bao lâu. Đồng thời nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D không thừa nhận việc này. Tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc D cho rằng bản khai, biên bản hòa giải trước đây của ông, do ông Bạch Tấn D cung cấp là không chính xác. Ngoài ra sau khi vay đến ngày 01/7/2016 vợ chồng ông Bạch Tấn D viết lại giấy hẹn nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D với số tiền 730.000.000 đồng gồm có tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 230.000.000 đồng. Qua phân tích như trên, thấy không có căn cứ để chấp nhận việc cân trừ số tiền lãi trả vượt mức quy định của pháp luật vào số tiền gốc theo như yêu cầu của bị đơn. Từ đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn phải trả tiền gốc cho ông Nguyễn Ngọc D và bà Lê Thị T số tiền gốc 500.000.000 đồng là phù hợp Điều 471, 474 Bộ luật dân sự.

[5] Trong quá trình hòa giải các bên có tranh chấp về lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất như sau: Bị đơn chỉ trả gốc 500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc D và bà Lê Thị T. Còn tiền lãi miễn toàn bộ cho bị đơn. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H, trong quá trình vay tiền bà Trần Thị P đã giao cho ông Nguyễn Ngọc D. Tuy nhiên các bên chỉ giao nhận bằng tay, không có viết giấy, cũng không có lập hợp đồng thế chấp, đăng ký thế chấp. Do đó, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bạch Tấn D và bà Trần Thị P phải chịu án phí tính trên số tiền mà ông bà phải có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D. Ông Bạch Tấn D là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Bà Trần Thị P phải chịu án phí bằng 50% trên tổng số tiền án phí mà vợ chồng bà phải chịu. Tuy nhiên, xét thấy vợ chồng bà P hiện nay rất khó khăn về kinh tế, do phải trả nợ cho nhiều người đã giải quyết tại Tòa án. Do vậy xét giảm cho bà P 50% tiền án phí mà bà phải nộp, theo đơn xin giảm tiền án phí lập ngày 25/8/2017, có xác nhận của UBND thị trấn VX là phù hợp khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, Điều 688, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ

khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, Điều 14, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Ông Bạch Tấn D, bà Trần Thị P phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D bà Lê Thị T số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông ông Nguyễn Ngọc D, bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, hàng tháng ông Bạch Tấn D và bà P, phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng thời gian và số tiền gốc chưa thanh toán.

2. Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu 6.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã xét giảm 50% án phí cho bà P).

Miễn phần án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bạch Tấn D.

Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.700.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013082 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 10/10/2017, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

TAND tỉnh
VKSND huyện
THADS huyện

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

(Đã ký)

Các đương sự
Lưu

Nguyễn Văn Thái